

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B –TP. H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 15/08/2018.
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Thương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**.

2. Ông **Phan Văn Vinh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 08 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXX - ST ngày 19 tháng 07 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đắc Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ban xe máy, phòng kỹ thuật, Sư đoàn 346, Quân khu 1, xóm Kẽm, xã Y, huyện Ph, tỉnh Th.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Đắc Đ: Luật sư

Nguyễn Đức N, sinh năm 1987- Công ty luật TNHH Dragon, thuộc đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 14, Tòa nhà Vimeco, Lô E9, đường Phạm Hùng, quận C, thành phố H.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988;

HKTT: Thôn Nhuận Trạch, xã V, huyện B, thành phố H.

Nơi cư trú: Thôn Cam Đà, xã C, huyện B, thành phố H.

(Anh Đ, chị N, luật sư N đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai ngày 13/12/2017 và ngày 23/01/2018 anh Nguyễn Đức Đ khai như sau: Anh Đ và chị N tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, thành phố H ngày 16/01/2012. Sau khi kết hôn chị N về sống cùng gia đình nhà anh Đ, còn anh Đ thì đi công tác mỗi tháng về một lần. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống với nhau không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến tháng 10 năm 2014 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết được nguyên nhân là do chị N thiếu chung thủy với chồng, vẫn còn tình cảm với người yêu cũ. Bản thân anh Đ muốn khắc phục mâu thuẫn nên đã đưa chị N lên sống gần đơn vị nơi anh Đ công tác, nhưng lại phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và lối sống. Nên đến tháng 9 năm 2017 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện B sinh sống. Vợ chồng ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Đ được ly hôn chị N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu là Nguyễn Long G, sinh ngày 23/09/2012, cháu Nguyễn Hà Anh T, sinh ngày 06/06/2014. Hiện cả hai con chung đang ở cùng chị N. Giải quyết ly hôn anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà Anh T cho đến khi con chung tròn, đủ 18 tuổi, giao cho chị N nuôi cháu Nguyễn Long G. Anh Đ không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng

nuôi con chung.

Tài sản riêng, tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ngày 07/09/2017 Vợ chồng anh Đ, chị N thống nhất vay tiền tại Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th và anh Đ đã ký hợp đồng tín dụng số: 468.17.092.2214496.TD với Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th số tiền gốc là: 150.000.000 đồng, lãi suất là 13%/năm, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày 07/09/2017 đến hết ngày 07/09/2021, mục đích vay tiền để đầu tư mở cửa hàng SPA tại tiểu khu Lê Hồng Phong, thị trấn L, huyện Ph, tỉnh Th cho chị N làm ăn. Nay anh Đ đã trả được số tiền gốc là: 25.000.000đ (*Hai mươi năm triệu đồng*) và trả tiền lãi đến hết tháng 05/2018. Nay giải quyết ly hôn anh Đ yêu cầu chị N phải có trách nhiệm trả 50% số tiền gốc cụ thể là: 62.500.000 đồng và lãi suất kèm theo trên số nợ gốc của từng người phải trả.

Theo bản tự khai ngày 17/01/2018 chị Nguyễn Thị N khai như sau: Chị N xác nhận thời điểm vợ, chồng chị đăng ký kết hôn và thời gian chung sống như anh Đ khai là đúng. Sau khi cưới anh Đ song, chị N thuê nhà ở Hà Nội làm ăn, thời gian đầu chung sống vợ, chồng sống hạnh phúc, sống được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân chính là do anh Đ là bộ đội thường xuyên xa nhà, ít khi về thăm vợ con. Đặc biệt là anh Đ có quan hệ ngoại tình bất chính với người phụ nữ khác. Chị N khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị N và anh Đ đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 07/2017. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý ly hôn anh Đ.

* Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Nguyễn Long G, sinh ngày 23/09/2012 và cháu Nguyễn Hà Anh T, sinh ngày 06/06/2014. Hiện cả hai con chung đang ở với chị N. Thời gian vợ, chồng sống xa nhau, chị N nuôi 02 con chung, anh Đ chỉ có trách nhiệm hỗ trợ tiền nuôi con cho chị N nuôi 02 cháu thời gian 02 năm đầu. Nay giải quyết ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con chung đến khi tròn, đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi

con chung.

Tài sản riêng, tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị N thừa nhận ngày 07/09/2017 vợ, chồng có thống nhất vay Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th số tiền gốc là: 150.000.000đ (*Một trăm, năm mươi triệu đồng*), với lãi suất là: 13%/năm, thời hạn vay là 05 năm, kể từ ngày 07/09/2017. Mục đích vay số tiền này là để mở cửa hàng SPA tại tiểu khu Lê Hồng Phong, thị trấn L, huyện Ph, tỉnh Th để chị N làm. Nay giải quyết ly hôn thì chị N sẽ có trách nhiệm trả 50% số tiền gốc cụ thể: 62.500.000 đồng và lãi suất kèm theo trên số nợ gốc của từng người phải trả.

Về phía Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th: Tòa án nhân dân huyện B đã gửi thông báo thụ lý vụ án tới Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th, tuy nhiên về phía Ngân hàng cho rằng kể từ khi ký hợp đồng tín dụng cho anh Đ, chị N vay tiền đến nay anh Đ vẫn trả nợ gốc, nợ lãi suất đầy đủ, đúng hạn, Nay thời hạn hợp đồng vẫn chưa hết hạn. Do vậy Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th không yêu cầu anh Đ và chị N phải trả đủ số tiền gốc còn chưa trả trong hạn hợp đồng tín dụng để thanh lý chấm dứt hợp đồng tín dụng. Đồng thời do phía Ngân hàng không yêu cầu anh Đ phải trả nợ đủ số nợ gốc. Do đó Ngân hàng không nộp tiền tạm ứng án phí theo qui định của pháp luật. Đồng thời ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th không tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại Tòa án huyện B.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Đ và chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân, con chung, tài sản chung.

Về phân công nợ chung: Anh Đ và chị N đều xác định số tiền gốc vay chi nhánh Ngân hàng Quân đội là: 150.000.000đ, vay số tiền này sử dụng vào mục đích mở cửa hàng SPA cho chị N làm. Anh Đ thừa nhận đến ngày 11/07/2018 anh Đ đã trả cho Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th số tiền gốc là: 28.125.000đ và lãi suất theo quy định. Nay anh Đ yêu cầu chị N phải thanh toán trả cho anh Đ $\frac{1}{2}$ số nợ gốc là: 60.937.500đ (*Sáu mươi triệu, chín trăm, ba mươi bảy nghìn năm trăm*

đồng) và lãi suất theo hợp đồng để anh Đ có trách nhiệm đứng ra trả nợ cho Ngân hàng Quân Đội, chi nhánh Th. Chị N chỉ chấp nhận thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc cho anh Đ là: 60.937.500đ (*Sáu mươi triệu, chín trăm, ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) với điều kiện anh Đ phải giao cho chị N nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Long G và cháu Nguyễn Hà Anh T. Về lãi suất chị N không trả cho anh Đ, bởi vì anh Đ đứng tên trong hợp đồng bên vay tiền với Ngân hàng quân đội, chi nhánh Th và nay Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th yêu cầu anh Đ phải đứng trả nợ hết số tiền gốc và tiền lãi suất theo hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B có quan điểm: Về tố tụng: Về trình tự giải quyết thu thập chứng cứ như sau: Vụ án được Tòa án nhân dân huyện B tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự tố tụng dân sự, từ khi nhận hồ sơ, ra thông báo thụ lý, lấy lời khai và ra quyết định xét xử, tổng Đ các văn bản tố tụng đều hợp lệ và đều đảm bảo đúng quy trình tố tụng quy định không vi phạm gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện B chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ. Cho anh Đ được ly hôn chị N. Về tài sản riêng, tài sản chung: Không có. Về khoản nợ Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th. Do Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th không có yêu cầu đòi nợ đối với anh Đ, chị N. Do vậy giao cho anh Đ phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng số: 468.17.092.2214496.TD ngày 07/09/2017 giữa Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th và anh Đ. Đồng thời anh Đ có nghĩa vụ phải trả nợ hết số tiền gốc còn lại, tiền lãi suất trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th. Chị N có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Đ $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là: 60.937.500đ (*Sáu mươi triệu, chín trăm, ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Đắc Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị N. Theo quy định tại khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Đắc Đ và chị Nguyễn Thị N là hôn nhân hợp pháp, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, thành phố H ngày 16/01/2012. Sau khi kết hôn anh Đ lên đơn vị công tác hàng tháng có về thăm nhà, còn chị N sống chung với gia đình anh Đ và sau đó thuê nhà dưới Hà Nội để tiện cho việc đi làm của chị N. Đến tháng 10/ 2014 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do anh Đ đi công tác xa nhà nên dẫn đến việc anh Đ và chị N nghi ngờ lẫn nhau cả hai có quan hệ ngoại tình với người khác. Để khắc phục mâu thuẫn vợ, chồng anh Đ và chị N đã thống nhất chuyển chị N và các con chuyển lên huyện Ph, tỉnh Th nơi gần đơn vị anh Đ công tác sống nhưng trong quá trình chung sống hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quan điểm về làm ăn kinh tế dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng, đến tháng 09/2017 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã C, huyện B sinh sống. Anh Đ và chị N đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ đó cho đến nay. Hai bên không tìm ra biện pháp cải thiện tình cảm vợ, chồng về đoàn tụ, tại phiên tòa hôm nay anh Đ và chị N đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn, cả hai bên đều đề nghị Tòa án B cho anh, chị được ly hôn để giải phóng cho cả hai bên. Do vậy Hội đồng xét xử, xét thấy có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị N trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ, chồng không còn. Do vậy Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Nguyễn Đắc Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2.2. Về con chung: Anh Đ và chị N đều thừa nhận có 02 con chung là Nguyễn Long G, sinh ngày 23/09/2012 và cháu Nguyễn Hà Anh T, sinh ngày 06/06/2014. Do anh Đ là bộ đội thường xuyên công tác xa nhà, do đó từ nhỏ đến nay cả hai con chung đều ở với chị N. Xét yêu cầu được nuôi con của anh Đ và chị N là hợp pháp xong xét anh, chị có 02 con chung đều dưới 07 tuổi, nay giao cho anh Đ và chị N mỗi người nuôi một con chung là đúng pháp luật. Xét anh Đ là bố, điều kiện công tác hiện nay xa nhà, do đó giao cho anh Đ được nuôi con chung lớn là cháu Nguyễn Long G, sinh ngày 23/09/2012 cho đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác để đảm bảo thuận lợi cho việc nuôi, dạy, chăm sóc con chung đối với anh Đ. Giao chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi con chung nhỏ, cháu Nguyễn Hà Anh T, sinh ngày 06/06/2014 cho đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa hôm nay anh Đ và chị N đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xét, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ và chị N cho đến khi anh Đ và chị N có yêu cầu hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản riêng, tài sản chung: Anh Nguyễn Đắc Đ và chị Nguyễn Thị N đều thừa nhận không có.

2.4. Về nợ chung: Anh Đ và chị N đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân chung sống cùng nhau anh, chị vay Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Th số tiền gốc là 150.000.000 đồng, mục đích anh Đ, chị N vay tiền Ngân hàng là để đầu tư mở cửa hàng SPA cho chị N làm trong thời gian chị N ở cùng anh Đ tại Thái Nguyên. Tại phiên tòa hôm nay anh Đ thừa nhận tính đến ngày 11/07/2018 anh Đ đã trả nợ được số tiền gốc là: 28.125.000 đồng và trả lãi suất. Trong khi giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Th đã được Tòa án nhân dân huyện B giao thông báo thụ lý vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, đồng thời có văn bản yêu cầu Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Th cho biết yêu cầu về việc giải quyết số nợ gốc và lãi suất của anh

Đ, chị N vay xong về phía Ngân hàng đã có văn bản không có yêu cầu độc lập về việc đòi nợ đối với anh Đ và chị N trong vụ án ly hôn này. Do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết quyền lợi liên quan của Ngân hàng trong vụ án này. Xong xét anh Đ hiện đang là Bộ đội công tác tại huyện P, tỉnh Th, anh Đ đứng tên trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Quân đội với tư cách là bên vay tiền, nay thời hạn hợp đồng tín dụng giữa anh Đ và Ngân hàng chưa hết, sau khi anh Đ và chị N ly hôn thì anh Đ phải tiếp tục thực hiện hợp đồng với Ngân hàng Quân đội, chi nhánh Th, điều đó có nghĩa là anh Đ phải chịu trách nhiệm đứng ra trả nợ hết số tiền gốc và tiền lãi suất theo hợp đồng cho Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Th. Do đó để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho anh Đ, Hội đồng xét xử buộc chị N phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Đ số tiền là: 60.937.500đ (*Sáu mươi triệu, chín trăm, ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) để anh Đ có trách nhiệm tiếp tục trả nợ số nợ gốc 121.875.000đ (*Một trăm, hai mươi một triệu, tám trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng*).

2.5. Về án phí: Anh Nguyễn Đắc Đ phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 27, Điều 37, khoản 1, Điều 56, 57, 58, khoản 3, điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, 200 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Đắc Đ đối với chị Nguyễn Thị N.

2/ Cho anh Nguyễn Đắc Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

3/Con chung: Có 02 con chung, giao cho anh Nguyễn Đắc Đ được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Long G, sinh ngày 23/09/2012 đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hà Anh T, sinh ngày 06/06/2014 đến khi tròn, đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đắc Đ và chị Nguyễn Thị N cho đến khi anh Nguyễn Đắc Đ hoặc chị Nguyễn Thị N có yêu cầu.

Anh Nguyễn Đắc Đ và chị Nguyễn Thị N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4/Tài sản riêng, tài sản chung, công sức: Không có.

5/ Công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Nguyễn Đắc Đ $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc anh Đ và chị N vay Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Th trong thời kỳ hôn nhân là: 60.937.500đ (*Sáu mươi triệu, chín trăm, ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) để anh Đ tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng TMCP Quân đội, chi nhánh Th.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Đắc Đ có đơn yêu cầu thi hành án dân sự, chị Nguyễn Thị N phải chịu lãi suất của khoản tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6/ Án phí: Anh Nguyễn Đắc Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: 0018520 ngày 11/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ph, tỉnh Th vào khoản án phí ly hôn sơ thẩm anh Đ phải nộp.

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 3.046.875 đ (*Ba triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đắc Đ và chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDTP H;
- VKS huyện B;
- THA huyện B;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Đức Thưởng

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKS huyện Ba Vì
- THA Ba Vì
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

